

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

Bản án số: 81/2023/HS-ST
Ngày 22-9-2023

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Đ
2. Ông Đào Văn K

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị A – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H: Bà Phạm Thị Phụng -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 85/2023/HSST ngày 05 tháng 9 năm 2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXX-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Lò Văn N, sinh ngày 06/02/2001.

Nơi ĐKKHKT: Bản HL, xã ML, huyện M, tỉnh B. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn Chứa và bà Quàng thị Hoan; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Chưa có. N bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lò Văn T, sinh ngày 07/3/2001

Nơi ĐKKHKT: Bản B, xã ML, huyện M, tỉnh B. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn V (đã chết) và bà Lò Thị U; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Chưa có. T bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

Anh Đinh Công H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm S, xã HT, huyện K, tỉnh H.

Anh Lê Xuân G, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn MQ, thị trấn NQ, huyện V, tỉnh H.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lò Văn T ở Bản B, xã ML, huyện M, tỉnh B và Lò Văn N ở Bản HL, xã ML, huyện M, tỉnh B là những đối tượng nghiện ma túy, loại Heroin. T và N đến huyện V làm thuê tự do, cùng thuê phòng trọ số 04 của gia đình chị Đỗ Thị Ngát tại thôn MQ, thị trấn NQ, huyện V, tỉnh H để ở. Theo T tự khai, khoảng 09 giờ ngày 20/6/2023, T đi bộ một mình từ phòng trọ ở thôn NQ, thị trấn NQ đến khu vực Ủy ban nhân dân xã NT, huyện G, tỉnh H tìm mua ma túy để sử dụng, T đã gặp và hỏi mua 01 gói nilon ma túy, loại Heroin với giá 200.000đ của một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ ở ven đường. Sau khi mua được ma túy, T cất vào trong túi quần phía trước bên trái đang mặc rồi tiếp tục đi đến khu vực công trường Vinhomes Ocean Park ở huyện Văn Giang để đi xin việc làm.

Khoảng 13 giờ ngày 20/6/2023, Lò Văn N một mình đi bộ từ phòng trọ đến khu vực Ủy ban nhân dân xã NT, huyện G tìm mua ma túy loại Heroin để sử dụng. Khi đến nơi N hỏi mua 200.000đ ma túy của một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ ở ven đường, thì người này đồng ý bán và đưa cho N 01 gói nilon màu xanh, bên trong chứa ma túy. N cầm gói ma túy cất vào túi quần phía trước bên phải đang mặc rồi đi bộ về phòng trọ của mình ở thôn NQ, thị trấn NQ, huyện V. Do không xin được việc làm nên đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T về phòng trọ thì gặp N đang ở trong phòng.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, khi T và N đang ở trong phòng trọ thì Tổ công tác của Công an huyện V phối hợp với Công an thị trấn NQ kiểm tra hành chính khu phòng trọ để đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn. Khi kiểm tra phòng trọ của N và T, T và N mỗi người tự nguyện lấy từ túi quần ra 01 gói nilon và khai nhận là ma túy, loại Heroin. Công an huyện V đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng gồm: Thu tại túi quần phía trước bên phải chiếc quần vải dài màu đen, kẻ sọc trắng của Lò Văn N đang mặc 01 gói nilon màu xanh, bên trong chứa chất màu trắng, dạng cục và bột, (niêm phong bì ký hiệu “M1”). Thu tại túi quần phía trước bên trái chiếc quần vải, màu xám của Lò Văn T đang mặc 01 gói nilon màu xanh, bên trong chứa chất màu trắng, dạng cục và bột (niêm phong bì ký hiệu “M2”).

Ngày 20/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của N và T tại thôn NQ, thị trấn NQ, huyện V. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Ngày 20/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V ra Quyết định trưng cầu giám định số: 150 trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H giám định mẫu vật thu giữ được niêm phong ký hiệu: “M1” và “M2” đã thu giữ của N và T. Tại thông báo kết luận giám định sơ bộ số 393/MT – KTHS (MT) ngày 20/6/2023 và Kết luận giám định số 393/KL- KTHS (MT) ngày 23/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh H kết luận:

“- Chất màu trắng dạng cục và bột, trong niêm phong ghi ký hiệu “M1”, có khối lượng 0,551g (Không thấy năm trăm năm mươi một gam) là ma túy, loại Heroine (Heroin).

- Chất màu trắng dạng cục và bột, trong niêm phong ghi ký hiệu “M2”, có khối lượng 0,332g (Không thấy ba trăm ba mươi hai gam), là ma túy, loại Heroine (Heroin)”.

Kết quả Test ma túy đối với Lò Văn T và Lò Văn N tại Trung tâm Y tế huyện V cho kết quả dương tính với ma túy, loại: Heroin.

Quá trình điều tra: Chưa xác định được lai lịch, địa chỉ của 02 người đàn ông đã bán trái phép ma túy cho N ở T ở khu vực UBND xã NT, huyện G, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi có căn cứ sẽ xử lý sau theo quy định.

Đối với 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh H, Cơ quan CSĐT- Công an huyện V đã nhập vào kho vật chứng để chờ xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra, Lò Văn N và Lò Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Bản cáo trạng số 89/CT-VKS, ngày 05/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H, truy tố các bị cáo về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa; Các bị cáo thành khẩn khai báo như nội dung cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lò Văn N, Lò Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Văn N từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2023.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh H.

Trả lại cho bị cáo Lò Văn N 01 giấy chứng minh nhân dân số 040736750, do Công an tỉnh Điện Biên cấp ngày 20/11/2017 không liên quan đến hành vi phạm tội.

Trả lại cho bị cáo Lò Văn T 01 căn cước công dân số 011201005396, do cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 08/7/2022 không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*; việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bản cáo trạng, quyết định đưa vụ án ra xét xử được tổng đạt cho bị cáo đúng pháp luật; việc lấy lời khai những người tham gia tố tụng, hỏi cung bị can đều đảm bảo. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Hội đồng xét xử xác định việc điều tra, truy tố, xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] *Về nội dung*; lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ, phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và lời khai người làm chứng, với các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 20/6/2023 tại phòng trọ số 04 của gia đình chị Đỗ Thị S ở thôn MQ, thị trấn NQ, huyện V, tỉnh H, Lò Văn N đang thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,551g, còn Lò Văn T đang thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,332g đều là ma túy, loại Heroin để sử dụng thì bị Công an huyện V bắt quả tang cùng toàn bộ vật chứng.

Hành vi tàng trữ trên người 0,551g và 0,332g heroin để sử dụng như nêu ở trên của Lò Văn N và Lò Văn T đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm đến trật tự, trị an xã hội, là nguyên nhân phát sinh ra các loại tội phạm khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù các bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng do nghiện ma túy 20/6/2023, các bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép ma túy loại Heroin để sử dụng cho bản thân. Vì vậy, cần xét xử vụ án nghiêm minh và buộc cho các bị cáo một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

[3] *Về nhân thân các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình để cơ quan cảnh sát điều tra, điều tra kết thúc vụ án sớm, các bị cáo đều là người dân tộc, có trình độ văn hóa chưa học hết lớp 12 nên hiểu biết có phần hạn chế. Vì vậy, bị cáo Lò Văn N, Lò Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Để đáp ứng yêu cầu phòng chống tội phạm, căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án, HĐXX xét thấy: Các bị cáo phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số. Do vậy, HĐXX sẽ xem xét áp dụng xử các bị cáo mức hình phạt tương xứng đồng thời cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục đối với các bị cáo.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, ...*” do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên HĐXX xét thấy các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, công việc và thu nhập không ổn định, không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo

[6] *Các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:*

Đối với 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật giám định của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh H, bên trong là vật chứng ma túy, nên tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 02 đối tượng bán ma túy cho các bị cáo, không xác định được là ai, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, sau này có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân số 040736750, do Công an tỉnh Điện Biên cấp ngày 20/11/2017 mang tên Lò Văn N không liên quan đến hành vi phạm tội trả lại cho bị cáo để sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Lò Văn T 01 căn cước công dân số 011201005396, do cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 08/7/2022 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[7] *Về án phí:* Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 46; khoản 1 Điều 47; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Khoản 2 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Lò Văn N, Lò Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt: Bị cáo Lò Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2023.

Xử phạt: Bị cáo Lò Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Tịch thu cho tiêu hủy 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh H, bên trong là vật chứng ma túy.

Trả lại cho bị cáo 01 giấy chứng minh nhân dân số 040736750, do Công an tỉnh Điện Biên cấp ngày 20/11/2017 mang tên Lò Văn N không liên quan đến hành vi phạm tội.

Trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân số 011201005396, do cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 08/7/2022 mang tên Lò Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội.

(Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện V và Chi cục thi hành án dân sự huyện V)

Về án phí: Buộc các bị cáo Lò Văn N, Lò Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA, TAND tỉnh H.
- VKSND tỉnh H.
- CA huyện V.
- VKS huyện V.
- Chi cục THADS huyện V.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Bích T